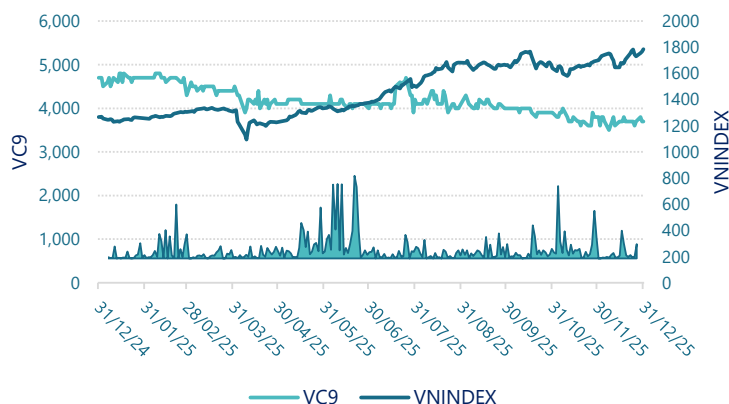


CTCP Xây dựng số 9 - VC9 (HNX: VC9)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,500
SL cổ phiếu LH	16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,225
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	62
P/E	76.2
EPS	49

DT thuần

Q4/25

99.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 36.9 | 59.1%

YoY: ▲ 23.8 | 31.5%

LN sau thuế

Q4/25

0.24

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.03 | 14.5%

YoY: ▲ 0.02 | 9.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.1%

+/- YoY: ▼ 1.3%

DT thuần

2025

237

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00 | 1.4%

LN sau thuế

2025

0.81

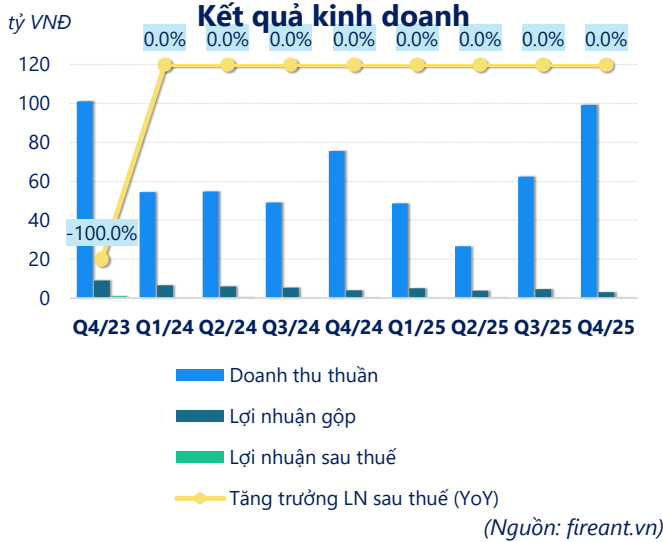
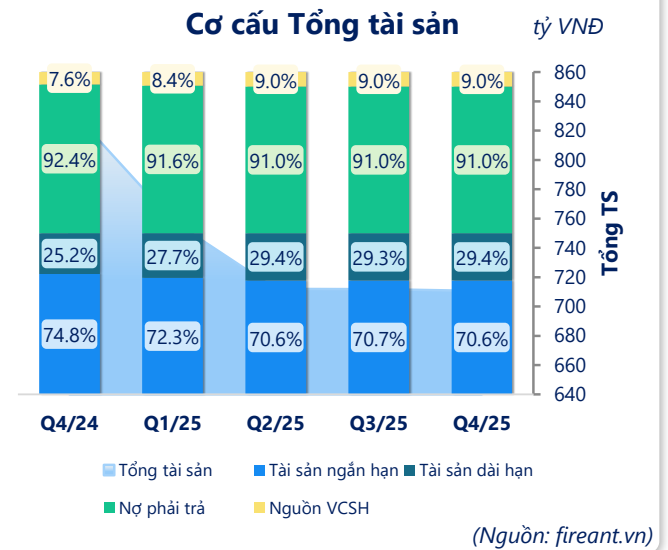
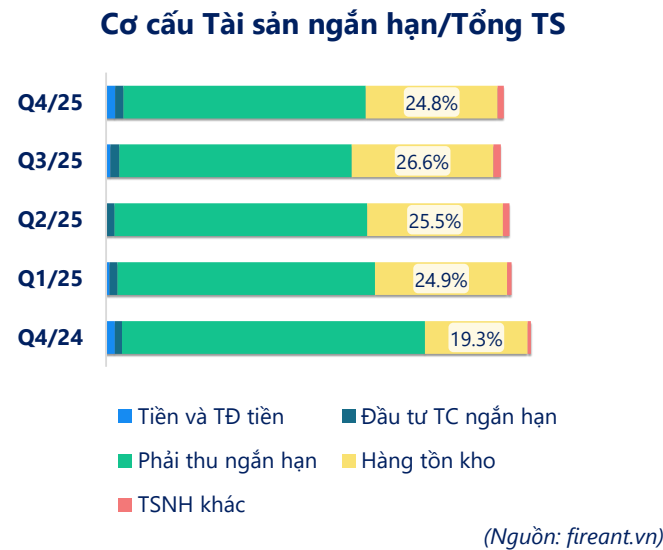
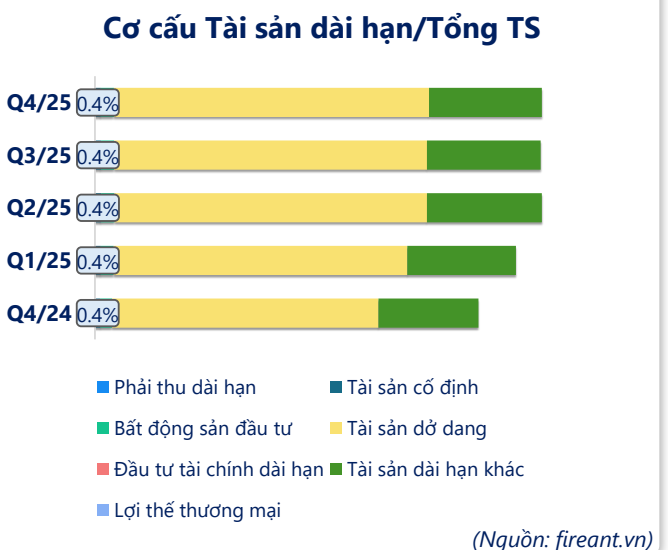
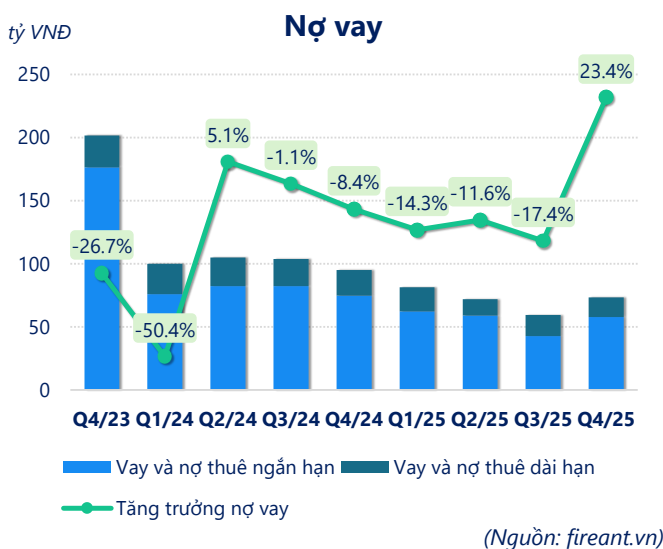
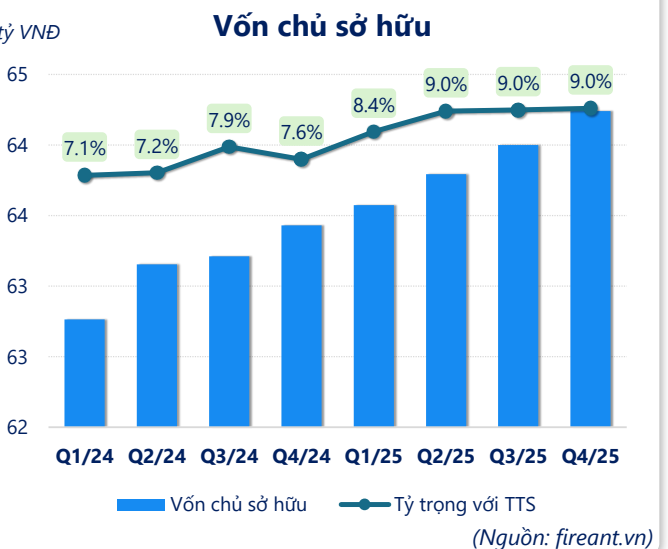
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.02 | 2.7%

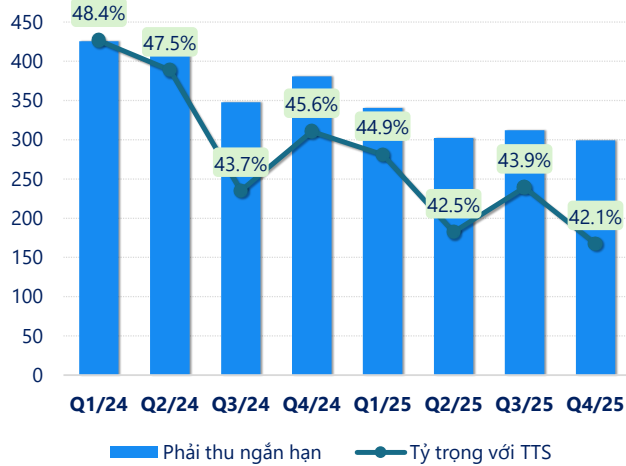
ROE

2025

1.3%

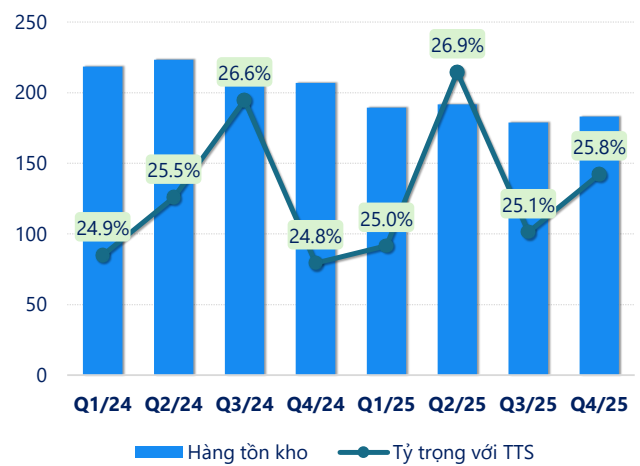


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


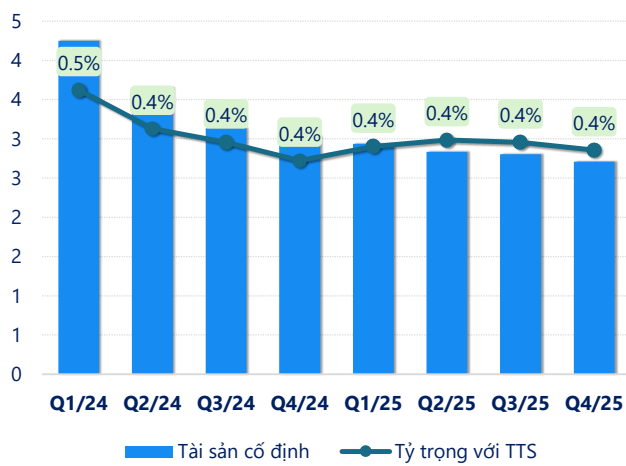
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


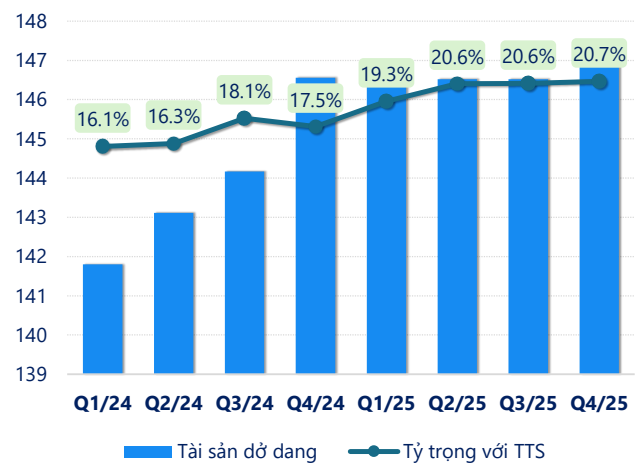
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

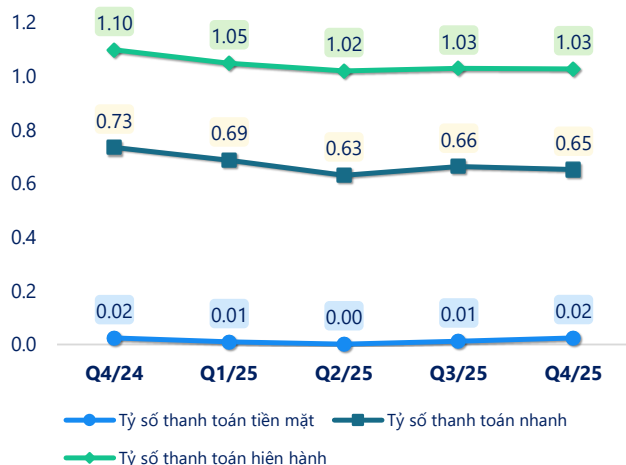
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

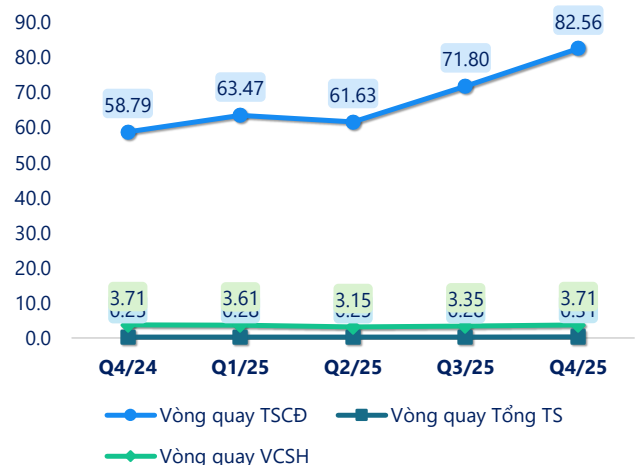
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	836	759	712	712	711
Tài sản ngắn hạn	625	548	503	503	502
Tiền và tương đương tiền	13.7	4.93	0.64	5.76	11.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.3	6.30	0.40	0.40	0.40
Phải thu ngắn hạn	381	340	302	312	299
Hàng tồn kho	207	189	192	179	183
Tài sản ngắn hạn khác	9.78	7.33	7.51	5.86	7.00
Tài sản dài hạn	211	210	209	209	209
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	3.03	2.94	2.84	2.81	2.71
Bất động sản đầu tư	6.39	6.34	6.29	6.25	6.20
Tài sản dở dang	147	147	147	147	147
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	54.9	54.3	53.8	53.3	52.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	772	695	648	648	646
Nợ ngắn hạn	569	523	493	489	489
Vay và nợ thuê ngắn hạn	74.6	62.2	58.8	42.7	57.8
Phải trả người bán ngắn hạn	214	195	197	205	198
Nợ dài hạn	203	172	155	159	158
Vay và nợ thuê dài hạn	20.4	19.2	13.2	16.8	15.6
Nguồn vốn chủ sở hữu	63.4	63.6	63.8	64.0	64.2
Vốn chủ sở hữu	63.4	63.6	63.8	64.0	64.2
Vốn điều lệ	170	170	170	170	170
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)